

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-PT

Ngày: 09-02-2023

V/v “Tranh chấp  
về quyền đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Đinh Thị Ngọc Yên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 557/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Công Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:*** Ông Võ Hoàng P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Hoàng P:*** Luật sư Nguyễn Thanh T, Văn phòng Luật sư Cao Minh T, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Hoàng P – Bị đơn; bà Trần Ngọc M - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông Đ, ông P, bà M, ông T và bà B có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Công Đ trình bày:*

Ngày 04-8-2021 (âm lịch) tức ngày 10-9-2021 dương lịch, ông Đ có cho ông P vay 100.000.000 đồng, không tính lãi, hạn đến khi cân lúa bán xong sẽ trả. Việc giao nhận tiền không làm giấy tờ nhưng có camera nhà ông Đ ghi hình lại. Ngày 08-8-2021 âm lịch, ông P bán lúa cho ông Đ với tổng số tiền 307.950.000 đồng, trừ lại số tiền ông Đ đã đặt cọc trước đó 03 lần là 66.000.000 đồng, còn lại 241.950.000 đồng thì ông Đ đã trả cho ông P xong mà không trừ lại số tiền 100.000.000 đồng ông P nhận ngày 10-9-2021. Khi ông Đ gọi điện thì ông P xác nhận số tiền 100.000.000 đồng đã nhận trước đó nhưng không đồng ý trả. Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông P trả 100.000.000 đồng tiền gốc, cộng lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 1.520.000 đồng, cách tính: lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 08-8-2021 âm lịch đến 05-10-2021 âm lịch (ngày nộp đơn khởi kiện) là 01 tháng 27 ngày) và yêu cầu tính lãi đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đối với ông P, yêu cầu ông P và bà M trả tổng cộng 109.146.666 đồng gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 9.146.666 đồng tiền lãi (cách tính: lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 10-9-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 23-8-2022 là 11 tháng 13 ngày, thành tiền 9.146.666 đồng).

*Bị đơn ông Võ Hoàng P trình bày:*

Ông P không vay tiền của ông Đ. Ngày 04-8-2021 (âm lịch) ông P có nhận 100.000.000 đồng tại nhà của ông Đ theo camera mà ông Đ cung cấp cho Tòa án nhưng đó là tiền ông Đ giao ông P đi trả tiền lúa đã mua cho ông Đ. Sau đó ông Đ đã thanh toán và trừ lại số tiền 100.000.000 đồng xong. Ông P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc M trình bày:*

Bà M là vợ ông P nhưng không liên quan gì đến việc mua bán của ông P và ông Đ. Ông P nhận tiền từ ông Đ là để trả tiền mua lúa cho ông Đ để ăn huê hồng trên đầu tằm. Việc ông P làm ăn chung với ông Đ cũng tạo nguồn thu nhập cho gia đình. Ông P hoàn toàn không vay tiền của ông Đ nên bà M không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ Huệ quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Võ Hoàng P với số tiền 101.999.999 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Võ Hoàng P về số tiền lãi 7.146.667 đồng.

Buộc ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M phải trả cho ông Trần Công Đ tổng cộng 101.999.999 đồng (*một trăm lẻ một triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*) gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 1.999.999 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31-8-2022, bị đơn ông Võ Hoàng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc M kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông P và bà M không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Hoàng P trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Ông Đ là người mua lúa, ông P là môi giới. Các bên thống nhất số lúa, tiền đặt cọc, tiền thanh toán cho các nhà vườn. Ông P không thừa nhận có vay tiền của ông Đ, ông Đ không chứng minh được việc cho ông P vay tiền. Khi ông Đ trình báo Công an là ông P chiếm đoạt tiền đưa nhảm. Ông Đ không chứng minh được đã giao ông P 241.943.000 đồng. Bà B là người làm chứng do ông Đ cung cấp, có lời khai ban đầu mâu thuẫn với các lời khai hiện nay. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông P có nhận của ông Đ 100.000.000 đồng nên phải trả là chưa xem xét toàn diện vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

*Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông P và bà M trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông Đ có giao cho ông P 100.000.000 đồng, ông P cũng thừa nhận nên bản án sơ thẩm buộc ông P trả cho ông Đ là có căn cứ nên kháng cáo của ông P không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu ông P và bà M trả tổng cộng 109.146.666 đồng gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 9.146.666 đồng tiền lãi, thấy rằng:

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định như sau: Ông Đ là người mua lúa của các hộ dân, ông P là người được ông Đ giao tiền đặt cọc và tiền để trả cho các hộ dân bán lúa. Ông P là người trực tiếp thanh toán tiền mua lúa với các hộ dân và được hưởng tiền huê hồng trên đầu tấn từ ông Đ (20.000 đồng/1tấn lúa), thỏa thuận này đã được ông Đ và ông P thực hiện trong một thời gian dài khoảng 6 đến 7 năm.

[4] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05-10-2021 (bút lục số 113) ông Đ trình báo về việc bị ông P chiếm đoạt tài sản với số tiền 100.000.000 đồng tiền mua lúa do ông Đ giao nhằm cho ông P. Nhưng khi khởi kiện vụ án dân sự, ông Đ cho rằng có cho ông P vay 100.000.000 đồng, ông P không thừa nhận và ông Đ không có chứng cứ gì chứng minh đây là số tiền cho vay. Từ các tài liệu, chứng cứ trên, có cơ sở xác định việc ông Đ giao cho ông P 100.000.000 đồng là số tiền để trả tiền mua lúa nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Quyền đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định và giải quyết quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” là không đúng.

[5] Ông Đ và ông P đều thống nhất số lúa đã mua là 68.129kg, giá 4.520 đồng/kg, thành tiền 307.943.080 đồng. Trước đó ông Đ có giao cho ông P 66.000.000 đồng tiền đặt cọc và ngày 10-9-2021, ông P có nhận 100.000.000 đồng tại nhà ông Đ.

[6] Phần không thống nhất: ông Đ cho rằng tại chốt cầu Đ Huê khi giao tiền cho ông P, ông có giao cho P số tiền 241.943.080 đồng và biên nhận có ghi số tiền 307.943.080 đồng trừ 66.000.000 đồng tiền cọc. Ông Đ không có trừ số tiền 100.000.000 đồng. Ông P cho rằng có trừ tổng cộng 166.000.000 đồng nên ông chỉ nhận 141.943.080 đồng, biên nhận thì đã thất lạc.

[7] Thấy rằng, việc ông Đ giao tiền và biên nhận cho ông P tại chốt cầu Đức Huệ là việc tất toán quá trình mua lúa giữa ông Đ và ông P. Ông Đ cho rằng đã giao cho ông P số tiền 241.943.080 đồng (chưa trừ 100.000.000 đồng) nhưng ông P không thừa nhận, ông P chỉ thừa nhận có nhận của ông Đ 141.943.080 đồng. Ông Đ không có chứng cứ gì để chứng minh ông P có nhận 241.943.080 đồng nên yêu cầu khởi kiện của ông Đ đòi ông P trả 100.000.000 đồng và tiền lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Ông Đ có cung cấp người làm chứng là bà Nguyễn Thị B nhưng bà B cũng là người mua lúa làm ăn chung với ông Đ và lời khai của bà B tại Công an xã Mỹ Thạnh Đông trước đây mâu thuẫn với các lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không đáng tin cậy. Các chứng cứ do ông Đ cung cấp như trích xuất camera và đoạn ghi âm cũng chỉ chứng minh được việc ông P có nhận 100.000.000 đồng, không có thể hiện việc ông P thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng chưa khấu trừ khi tất toán quá trình mua lúa.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là chưa xem xét toàn diện vụ án dẫn đến xác định không đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết. Với các nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Kháng cáo của ông P và bà M là có cơ sở chấp nhận, cần sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông P và bà M, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

[10] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa toàn bộ bản án sơ thẩm nên ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M;

Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Đ về việc yêu cầu ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M trả số tiền 109.146.666 đồng, gồm 100.000.000 đồng tiền vay và 9.146.666 đồng tiền lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Công Đ phải chịu 5.458.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 2.538.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005172 ngày 13-5-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí, ông Đ còn phải chịu 2.920.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả số tiền 600.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005294, số 0005295 cùng ngày 31-8-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Huệ cho ông Võ Hoàng P và bà Trần Ngọc M.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**

